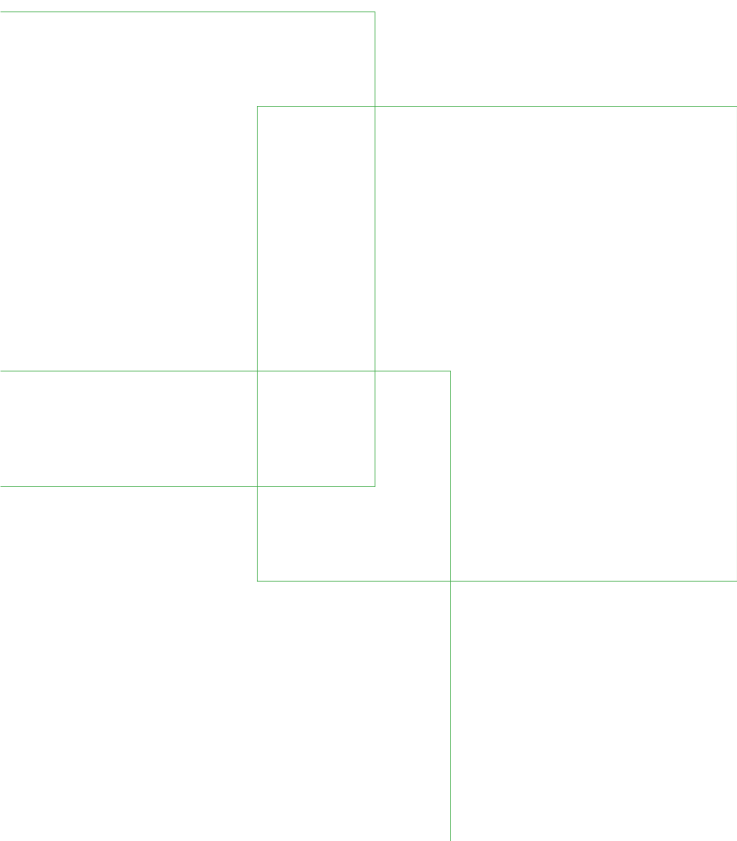




Tổ chức
Lao động
Quốc tế

Hướng dẫn chuyển đổi công bằng hướng tới nền kinh tế và xã hội bền vững về môi trường cho tất cả mọi người



Hướng dẫn chuyển đổi công bằng hướng tới nền kinh tế và xã hội bền vững về môi trường cho tất cả mọi người

Bản dịch tiếng Việt được hỗ trợ bởi Chương trình Hợp tác ILO/Hàn Quốc



Ấn phẩm này được cấp phép theo Giấy phép Bản quyền Công khai Attribution 4.0 International. Vui lòng truy cập: <https://creativecommons.org/licenses/by/4.0/>. Người dùng có thể sử dụng lại, chia sẻ (sao chép và tái phân phối), điều chỉnh (tổng hợp lại, điều chỉnh và phát triển thêm dựa trên ấn phẩm gốc) như được nêu chi tiết trong giấy phép. Người dùng phải nêu rõ ILO là chủ sở hữu của ấn phẩm gốc và chỉ ra những thay đổi so với nội dung gốc. Không được sử dụng biểu tượng, tên và logo của ILO trong các bản dịch, bản điều chỉnh hoặc các tác phẩm phát sinh khác.

Ghi nguồn - Người dùng phải nêu rõ nếu có thay đổi và trích dẫn tài liệu như sau: Hướng dẫn chuyển đổi công bằng hướng tới nền kinh tế và xã hội bền vững về môi trường cho tất cả mọi người, Geneva: Văn phòng Tổ chức Lao động Quốc tế, năm 2025. © ILO.

Bản dịch – Bản dịch của ấn phẩm này cần bổ sung tuyên bố miễn trừ trách nhiệm sau đây: Đây là bản dịch của ấn phẩm có bản quyền của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO). Bản dịch này không phải do ILO soạn thảo, xem xét hay công nhận và không được coi là bản dịch chính thức của ILO. ILO từ chối mọi trách nhiệm đối với nội dung và tính chính xác của bản dịch. Trách nhiệm hoàn toàn thuộc về (các) tác giả của bản dịch.

Bản điều chỉnh – Bản điều chỉnh của ấn phẩm này cần bổ sung tuyên bố miễn trừ trách nhiệm sau đây: Đây là bản điều chỉnh từ ấn phẩm có bản quyền của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO). Bản điều chỉnh này không phải do ILO soạn thảo, xem xét hay công nhận và không được coi là bản điều chỉnh chính thức của ILO. ILO từ chối mọi trách nhiệm đối với nội dung và tính chính xác của bản điều chỉnh. Trách nhiệm hoàn toàn thuộc về (các) tác giả của bản điều chỉnh.

Tài liệu của bên thứ ba – Giấy phép Bản quyền Công khai này không áp dụng cho các tài liệu không thuộc bản quyền của ILO được trích dẫn trong ấn phẩm này. Nếu tài liệu được ghi nhận là của bên thứ ba, người sử dụng tài liệu hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc xác nhận quyền sở hữu với bên giữ bản quyền cũng như về các khiếu nại xâm phạm bản quyền.

Những tranh chấp phát sinh theo giấy phép này và không thể hòa giải sẽ được giải quyết theo Quy tắc Trọng tài Thương mại Quốc tế của Ủy ban Liên Hợp Quốc về Luật Thương mại Quốc tế (UNCITRAL). Các bên phải tuân theo mọi phán quyết trọng tài trong quy trình này và chấp nhận đó là phán quyết cuối cùng cho tranh chấp.

Để biết thêm thông tin về quyền và cấp, vui lòng liên hệ: rights@ilo.org. Để biết thêm thông tin về các ấn phẩm và sản phẩm số của ILO, vui lòng truy cập www.ilo.org/publns.

ISBN: 9789220423653 (web PDF)

Ấn phẩm cũng được lưu hành bằng tiếng Anh: *Guidelines for a just transition towards environmentally sustainable economies and societies for all*, ISBN: 9789221306276 (print); 9789221306283 (web PDF), Geneva (2015); bằng tiếng Pháp: *Principes directeurs pour une transition juste vers des économies et des sociétés écologiquement durables pour tous*, ISBN: 9789222306275 (imprimé); 9789222306282 (web PDF), Geneva (2015); bằng tiếng Tây Ban Nha: *Directrices de política para una transición justa hacia economías y sociedades ambientalmente sostenibles para todos*, ISBN: 9789223306281 (impreso), 9789223306274 (web PDF); Geneva (2015), và nhiều thứ tiếng khác.

Các quy định áp dụng đối với các ấn phẩm và dữ liệu của ILO phù hợp với nguyên tắc của Liên Hợp Quốc, và cách trình bày tài liệu trong ấn phẩm không thể hiện quan điểm của ILO về tình trạng pháp lý của bất cứ quốc gia, khu vực, vùng lãnh thổ hoặc chính quyền, hoặc vùng phân định biên giới hay ranh giới nào. Vui lòng truy cập: <https://www.ilo.org/disclaimer>.

Các ý kiến và quan điểm trong ấn phẩm này là của (các) tác giả và không nhất thiết phản ánh ý kiến, quan điểm hoặc chính sách của ILO.

Việc viện dẫn tên công ty, sản phẩm hoặc quy trình thương mại không đồng nghĩa với việc ILO chứng thực các công ty, sản phẩm hoặc quy trình thương mại đó, và việc không được nhắc đến trong ấn phẩm không có nghĩa là ILO không ủng hộ công ty, sản phẩm hoặc quy trình thương mại đó.

Được in tại Việt Nam.

ILO ưu tiên sử dụng giấy có nguồn gốc từ các khu rừng được quản lý bền vững và có trách nhiệm với môi trường và xã hội.

I. Bối cảnh và phạm vi

Tại Phiên họp thứ 102 (năm 2013), Hội nghị Lao động Quốc tế đã thông qua một nghị quyết và một loạt các kết luận, sau đây gọi chung là Kết luận, liên quan đến phát triển bền vững, việc làm thỏa đáng và việc làm xanh, hỗ trợ thiết lập khung chính sách cho quá trình chuyển đổi công bằng.

Tại Phiên họp thứ 321 (tháng 6/2014), Hội đồng Quản trị của ILO đã thông qua đề xuất tổ chức cuộc họp chuyên gia ba bên vào năm 2015 để tiếp tục triển khai Kết luận của Hội nghị Lao động Quốc tế.

Sau quyết định của Hội đồng Quản trị, Văn phòng Lao động Quốc tế đã triệu tập Cuộc họp chuyên gia ba bên¹ từ ngày 5 - 9/10/2015 để triển khai các nội dung sau:

- rà soát, sửa đổi và thông qua dự thảo hướng dẫn chuyển đổi công bằng được hình thành từ quá trình tổng hợp, rà soát kỹ lưỡng của Văn phòng Lao động Quốc tế về kinh nghiệm xây dựng chính sách và chiến lược ngành của các quốc gia hướng tới môi trường bền vững, xanh hóa doanh nghiệp, bao trùm xã hội và thúc đẩy việc làm xanh;
- đúc kết những kinh nghiệm và thực hành tốt về xây dựng chính sách theo chín lĩnh vực được xác định trong khung chuyển đổi công bằng, thông qua đối thoại ba bên;
- đề xuất các phương hướng triển khai hướng dẫn trong thực tiễn, thông qua phổ biến và áp dụng ở cấp quốc gia bởi các cơ quan đối tác ba bên; đồng thời xây dựng và ban hành hướng dẫn chính sách về quá trình chuyển đổi công bằng hướng tới nền kinh tế và xã hội bền vững về môi trường cho tất cả mọi người.

Hướng dẫn dưới đây đã được các chuyên gia thống nhất, nhằm cung cấp định hướng thiết thực nhưng không mang tính chất bắt buộc cho các Chính phủ và đối tác xã hội trong quá trình thực hiện. Hướng dẫn bao gồm một số gợi ý cụ thể về cách xây dựng, triển khai và giám sát khung chính sách, phù hợp với bối cảnh và ưu tiên của từng quốc gia.

Hướng dẫn giúp xác định tầm nhìn, cơ hội và thách thức, các nguyên tắc cốt lõi và những chính sách cần triển khai, dựa trên nội dung của Kết luận. Đồng thời, Hướng dẫn cũng lồng ghép các tiêu chuẩn lao động quốc tế được nêu trong phần phụ lục của Kết luận, tương ứng với từng lĩnh vực chính sách.

Phần tiếp theo trình bày nguyên văn các nội dung trong Kết luận – nền tảng cho xây dựng hướng dẫn chính sách hiện hành – bao gồm tầm nhìn, cơ hội, thách thức và những nguyên tắc chủ đạo.² Bên cạnh đó, hướng dẫn cũng giới thiệu các lĩnh vực chính sách trọng tâm, khung thể chế³ và các quyền liên quan.⁴ Nội dung về các quyền được tham chiếu từ phụ lục của Kết luận, trong đó tập hợp một số nghị quyết và các tiêu chuẩn lao động quốc tế liên quan đến khung chuyển đổi công bằng, được tổng hợp trong Phụ lục 1 của tài liệu này.

¹ Xem Phụ lục 2, Danh sách đại biểu tham gia.

² Kết luận của Hội nghị lao động quốc tế 2013, đoạn 1–13.

³ Kết luận của Hội nghị lao động quốc tế 2013, đoạn 14(1), (2) và (3).

⁴ Kết luận của Hội nghị lao động quốc tế 2013, đoạn 14(m).

II. Tầm nhìn

1. Bốn trụ cột của Chương trình nghị sự về việc làm thỏa đáng – đối thoại xã hội, an sinh xã hội, quyền tại nơi làm việc và việc làm – là những nền tảng cơ bản cho phát triển bền vững và phải là trọng tâm của các chính sách tăng trưởng và phát triển mạnh mẽ, bền vững và bao trùm.
2. Phát triển bền vững là đáp ứng nhu cầu của thế hệ hiện tại mà không làm ảnh hưởng đến khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai. Phát triển bền vững bao gồm ba khía cạnh – kinh tế, xã hội và môi trường – có mối liên hệ chặt chẽ, giữ vai trò ngang nhau và cần được triển khai đồng bộ.
3. Dựa trên mục tiêu chung toàn cầu, mỗi quốc gia có thể lựa chọn áp dụng những cách tiếp cận, mô hình và công cụ khác nhau, phù hợp với bối cảnh và ưu tiên của mình để đạt được sự phát triển bền vững ở cả ba phương diện. Đây chính là mục tiêu lớn mà tất cả chúng ta cùng hướng tới.
4. Quá trình chuyển đổi công bằng hướng tới nền kinh tế bền vững về môi trường cho tất cả mọi người, như được trình bày trong tài liệu này, cần được quản lý hiệu quả và góp phần vào mục tiêu đảm bảo việc làm thỏa đáng cho tất cả mọi người, thúc đẩy bao trùm xã hội và xóa nghèo.
5. Đảm bảo việc làm thỏa đáng, xóa nghèo và bền vững về môi trường là ba trong số những thách thức lớn của thế kỷ 21. Các nền kinh tế phải nâng cao năng suất để đáp ứng nhu cầu của người dân trong bối cảnh dân số thế giới ngày càng tăng. Bên cạnh đó, cần đảm bảo bao trùm xã hội, tạo cơ hội việc làm thỏa đáng cho tất cả mọi người, giảm bất bình đẳng và xóa nghèo hiệu quả.
6. Khi đề cập đến xanh hóa nền kinh tế, doanh nghiệp và việc làm, chúng ta cần xem xét trong bối cảnh phát triển bền vững và xóa nghèo. Đây là một trong những công cụ quan trọng để đạt được phát triển bền vững và là cơ sở để xây dựng chính sách phù hợp. Nội dung này được trích từ tài liệu “Tương lai chúng ta hướng tới”, được thông qua tại Hội nghị thượng đỉnh Liên Hợp quốc về Phát triển bền vững (Rio +20).
7. Xanh hóa nền kinh tế mở ra cơ hội để thực hiện các mục tiêu xã hội: trở thành động lực tăng trưởng mới cho cả các nền kinh tế phát triển và đang phát triển, đồng thời tạo ra việc làm xanh và việc làm thỏa đáng. Điều này góp phần quan trọng vào mục tiêu xóa nghèo, thúc đẩy bao trùm xã hội, quản lý bền vững tài nguyên thiên nhiên, sử dụng năng lượng hiệu quả hơn, và giảm thiểu chất thải; đồng thời giải quyết tình trạng bất bình đẳng và tăng khả năng thích ứng trước những thách thức. Xanh hóa việc làm hiện có và thúc đẩy việc làm xanh - cả trong các ngành truyền thống và lĩnh vực mới nổi - sẽ góp phần xây dựng nền kinh tế cạnh tranh, ít phát thải các-bon, thân thiện với môi trường, cùng với các mô hình sản xuất và tiêu dùng bền vững, từ đó hỗ trợ ứng phó với biến đổi khí hậu.
8. Nếu được quản lý hiệu quả, quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế bền vững về xã hội và môi trường có thể trở thành động lực mạnh mẽ để tạo việc làm, nâng cao chất lượng việc làm, thúc đẩy công bằng xã hội và xóa nghèo. Xanh hóa toàn bộ doanh nghiệp và việc làm thông qua thực hiện các biện pháp tiết kiệm năng lượng và tài nguyên, giảm ô nhiễm và quản lý bền vững tài nguyên thiên nhiên sẽ thúc đẩy đổi mới, tăng khả năng thích ứng và tạo ra tích lũy để thúc đẩy đầu tư và việc làm mới.
9. Phát triển bền vững đòi hỏi sự tham gia tích cực của các bên liên quan trong lĩnh vực lao động. Các cơ quan chính phủ, người sử dụng lao động và người lao động không phải là những người ngoài cuộc thụ động mà hơn hết, họ chính là những tác nhân tạo ra sự thay

đổi. Họ có thể cùng xây dựng những cách làm việc mới, hướng tới bảo vệ môi trường vì thế hệ hiện tại và tương lai, góp phần xóa nghèo và thúc đẩy công bằng xã hội thông qua phát triển doanh nghiệp bền vững và tạo việc làm thỏa đáng cho tất cả mọi người.

10. Lộ trình phát triển bền vững, thân thiện với môi trường đòi hỏi nhiều nỗ lực và hành động chung từ ILO và các quốc gia thành viên – mỗi bên có năng lực và khả năng hành động khác nhau tùy theo bối cảnh thực tế. Do đó, việc hợp tác, chia sẻ thông tin và phối hợp hành động trong khuôn khổ sứ mệnh của ILO là hết sức cần thiết.
11. Chúng tôi ghi nhớ nguyên tắc về trách nhiệm chung nhưng có sự phân biệt về mức độ trách nhiệm giữa các quốc gia khác nhau, như được nêu trong Tuyên bố Rio về Môi trường và Phát triển (1992).

III. Cơ hội và thách thức

12. Quá trình chuyển đổi hướng tới nền kinh tế và xã hội bền vững về môi trường có thể mang lại một số cơ hội lớn trong lĩnh vực lao động, cụ thể:

- (a) tăng tổng số việc làm bằng cách khai thác tiềm năng tạo ra thêm nhiều việc làm thỏa đáng, thông qua đầu tư vào sản xuất, tiêu dùng và quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững về môi trường;
- (b) cải thiện chất lượng việc làm và thu nhập trên diện rộng nhờ các quy trình sản xuất hiệu quả hơn, cùng với việc phát triển các sản phẩm và dịch vụ xanh hơn trong lĩnh vực nông nghiệp, xây dựng, tái chế và du lịch;
- (c) thúc đẩy bao trùm xã hội thông qua cải thiện khả năng tiếp cận năng lượng thân thiện với môi trường và giá cả phải chăng, chẳng hạn như thông qua các cơ chế chi trả cho dịch vụ môi trường – yếu tố đặc biệt có ý nghĩa đối với phụ nữ và người dân ở vùng nông thôn;

và đồng thời đặt ra một số thách thức, bao gồm:

- (d) tái cơ cấu kinh tế dẫn đến dịch chuyển lao động, và có thể tăng, giảm việc làm khi thực hiện xanh hóa doanh nghiệp và nơi làm việc;
- (e) doanh nghiệp, nơi làm việc và cộng đồng cần nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu để giảm thiểu rủi ro về tài sản, sinh kế và tránh tình trạng di cư không tự nguyện; và
- (f) thu nhập của các hộ nghèo bị ảnh hưởng tiêu cực do giá năng lượng và hàng hóa tăng cao.

Trước quy mô và mức độ cấp bách của những thách thức về môi trường và việc làm, không một quốc gia nào có đủ nguồn lực và thời gian để đơn phương giải quyết một cách toàn diện. Do đó, hợp tác giữa các quốc gia, tổ chức và cộng đồng để cùng giải quyết các vấn đề này không chỉ là lựa chọn mà là yêu cầu bắt buộc.

IV. Nguyên tắc chủ đạo

13. Sau đây là các nguyên tắc chủ đạo cho quá trình chuyển đổi hướng tới nền kinh tế và xã hội bền vững về môi trường:

- (a) Nguyên tắc cơ bản là phải đảm bảo sự đồng thuận xã hội về mục tiêu và lộ trình phát triển bền vững. Đối thoại xã hội là phần không thể thiếu của khung thể chế, giúp xây dựng và thực thi chính sách ở tất cả các cấp. Do đó, cần đảm bảo tham vấn với tất cả các bên liên quan một cách hiệu quả, liên tục và trên cơ sở cung cấp đầy đủ thông tin.

-
- (b) Các chính sách phải tôn trọng, thúc đẩy, thực hiện các nguyên tắc và các quyền cơ bản tại nơi làm việc.
 - (c) Khi xem xét những thách thức và cơ hội về môi trường, các chính sách và chương trình cần đặc biệt chú ý đến yếu tố giới. Cần có các chính sách cụ thể về giới nhằm đảm bảo kết quả công bằng trong chuyển đổi.
 - (d) Các chính sách cần liên kết và nhất quán giữa các lĩnh vực kinh tế, môi trường, xã hội, giáo dục/đào tạo và lao động để tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp, người lao động, nhà đầu tư và người tiêu dùng tham gia và thúc đẩy chuyển đổi hướng tới nền kinh tế và xã hội bao trùm, phát triển bền vững và thân thiện với môi trường.
 - (e) Các chính sách nhất quán này cũng cần tạo lập khung chuyển đổi công bằng cho tất cả mọi người để thúc đẩy tạo thêm nhiều việc làm thỏa đáng, trong đó, nếu phù hợp, bao gồm: dự đoán tác động đến việc làm, đảm bảo an sinh xã hội bền vững trước nguy cơ mất việc làm và dịch chuyển lao động, phát triển kỹ năng và đối thoại xã hội, thực hiện hiệu quả quyền tổ chức và thương lượng tập thể.
 - (f) Không có một “giải pháp chung phù hợp cho tất cả”. Các chính sách và chương trình cần được thiết kế riêng, phù hợp với bối cảnh cụ thể của từng quốc gia, bao gồm các giai đoạn phát triển, các lĩnh vực, loại hình kinh tế và quy mô doanh nghiệp.
 - (g) Trong quá trình triển khai các chiến lược phát triển bền vững, điều quan trọng là cần đảm bảo thúc đẩy hợp tác quốc tế giữa các quốc gia. Về nội dung này, chúng tôi tham khảo các kết quả của Hội nghị thượng đỉnh Liên Hợp quốc về Phát triển bền vững (Rio +20), phần VI về phương thức triển khai.

V. Các lĩnh vực chính sách quan trọng và cơ chế thể chế nhằm đảm bảo quá trình chuyển đổi công bằng cho tất cả mọi người

- 14. Khung cơ bản nhằm giải quyết những thách thức trong quá trình chuyển đổi công bằng cho tất cả mọi người bao gồm các nội dung chính sau đây:**
- (1) Thực hiện xanh hóa nền kinh tế trong bối cảnh phát triển bền vững và xóa nghèo đói đòi hỏi các chính sách kinh tế vĩ mô, chính sách công nghiệp, chính sách ngành và chính sách lao động cụ thể phù hợp với đặc thù từng quốc gia. Những chính sách này cần tạo môi trường thuận lợi để doanh nghiệp phát triển theo hướng bền vững, đồng thời, mở rộng cơ hội việc làm thỏa đáng thông qua huy động, định hướng đầu tư công và tư vào các lĩnh vực thân thiện với môi trường. Mục tiêu là tạo ra việc làm thỏa đáng trong toàn bộ chuỗi cung ứng, đặc biệt trong các ngành có giá trị gia tăng cao và có tiềm năng phát triển mạnh mẽ. Điều này giúp nâng cao chất lượng việc làm, phát triển kỹ năng, tạo việc làm và cải thiện năng suất trong các ngành thâm dụng lao động, từ đó mang lại nhiều cơ hội việc làm trên diện rộng.
 - (2) Trước những thách thức mang tính liên ngành và bao trùm trên nhiều lĩnh vực, lồng ghép phát triển bền vững toàn diện vào tất cả lĩnh vực là hết sức cần thiết. Đồng thời, cần tăng cường hợp tác và phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị tuyển dụng và các bên liên quan trong nhiều lĩnh vực như tài chính, quy hoạch, môi trường, năng lượng, giao thông, y tế và phát triển kinh tế - xã hội. Bên cạnh đó, cần điều chỉnh các cơ chế, chính sách và thể chế hiện hành nhằm bảo đảm sự tham gia đầy đủ và hiệu quả của tất cả các bên liên quan ở cấp độ quốc tế, quốc gia, khu vực, ngành và địa phương trong quá trình xây dựng khung chính sách phù hợp. Việc phối hợp giữa các tổ chức trong nước và các tổ chức quốc tế ở cấp khu vực và toàn cầu cũng đóng vai trò quan trọng trong tích hợp hiệu quả ba trụ cột của phát triển bền vững.

(3) Những lĩnh vực chính sách then chốt cần được ưu tiên để đồng thời thúc đẩy tính bền vững về kinh tế, xã hội và môi trường bao gồm:

- I. Chính sách kinh tế vĩ mô và tăng trưởng
- II. Chính sách công nghiệp và chính sách ngành
- III. Chính sách đối với doanh nghiệp
- IV. Phát triển kỹ năng
- V. An toàn và sức khỏe nghề nghiệp
- VI. An sinh xã hội
- VII. Chính sách thị trường lao động chủ động
- VIII. Quyền của người lao động tại nơi làm việc
- IX. Đối thoại xã hội và cơ chế ba bên

Kết luận tại Hội nghị Lao động Quốc tế năm 2013, đoạn 14(m) nhấn mạnh: “Các tiêu chuẩn lao động quốc tế đóng vai trò là khung vững chắc để ứng phó với những thách thức trong lĩnh vực lao động phát sinh từ quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế xanh, và rộng hơn là tiến trình hướng tới phát triển bền vững và xóa nghèo. Một số tiêu chuẩn lao động quốc tế bao gồm tiêu chuẩn về tự do hiệp hội và thương lượng tập thể; xóa bỏ lao động cưỡng bức và lao động trẻ em, không phân biệt đối xử; đối thoại xã hội và tham vấn ba bên; đảm bảo mức lương tối thiểu, quản trị lao động, thanh tra lao động, chính sách việc làm, phát triển nguồn nhân lực, an toàn và sức khỏe nghề nghiệp, cùng với an sinh xã hội đóng vai trò quan trọng nhằm hỗ trợ quá trình chuyển đổi công bằng và bền vững (xem Phụ lục)”.

Nhất quán trong chính sách và thể chế để đảm bảo quá trình chuyển đổi công bằng cho tất cả mọi người⁵

15. Chính phủ cần:

- (a) cung cấp tín hiệu chính sách ổn định thông qua thúc đẩy đối thoại xã hội và xây dựng khung pháp lý thuận lợi nhằm hỗ trợ phát triển doanh nghiệp bền vững và việc làm thỏa đáng cho tất cả mọi người, đảm bảo bao trùm xã hội và xóa nghèo trong quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế bền vững;
- (b) rà soát và thúc đẩy áp dụng các tiêu chuẩn lao động quốc tế có liên quan nhất đến khung chuyển đổi công bằng hướng tới nền kinh tế và xã hội bền vững về môi trường cho tất cả mọi người (được liệt kê trong phần phụ lục kết luận của Hội nghị Lao động Quốc tế năm 2013), tiến tới phê chuẩn và thực hiện đầy đủ các tiêu chuẩn này;
- (c) lồng ghép các quy định về chuyển đổi công bằng vào kế hoạch và chính sách quốc gia về thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững, cũng như trong các chương trình, kế hoạch hành động quốc gia về môi trường và biến đổi khí hậu;
- (d) đưa các quy định về chuyển đổi công bằng vào chương trình nghị sự của các bộ ngành thay vì chỉ giao cho một bộ;
- (e) thúc đẩy sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ, ngành liên quan, trong đó có các bộ, ngành phụ trách về quy hoạch kinh tế và tài chính, nhằm xây dựng các chính sách và chương trình thích ứng với những thay đổi về môi trường tài chính và chính trị;
- (f) xây dựng và tăng cường năng lực thể chế, năng lực kỹ thuật của các cơ quan quản lý cấp khu vực và địa phương để dẫn dắt quá trình chuyển đổi và ứng phó trước những thay đổi cần thiết của nền kinh tế khu vực;
- (g) tạo cơ hội để các đối tác xã hội tham gia ở tất cả các cấp và trong các giai đoạn của quá trình xây dựng chính sách thông qua đối thoại xã hội, đồng thời thúc đẩy tham vấn với các bên liên quan;
- (h) thiết lập hoặc cải thiện khả năng thu thập và tiếp cận dữ liệu cơ bản về thị trường lao động khi cần thiết, đồng thời tiến hành đánh giá trước về tác động của các chính sách môi trường đối với việc làm và kinh tế - xã hội, nhằm cung cấp thông tin cho quá trình lựa chọn chính sách phù hợp;
- (i) tiến hành nghiên cứu và đánh giá tác động của các chính sách kinh tế và xã hội bền vững về môi trường, nhằm đảm bảo sự cân bằng tối ưu của các biện pháp chính sách;
- (j) khuyến khích và tích cực tham gia vào các nỗ lực hợp tác giữa các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức đại diện người sử dụng lao động và người lao động, với sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế, nhằm phối hợp hiệu quả các chính sách, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình chuyển đổi hướng tới môi trường bền vững.

⁵ Trong phần còn lại của tài liệu, thuật ngữ “chuyển đổi” có nghĩa là “quá trình chuyển đổi công bằng hướng tới nền kinh tế và xã hội bền vững về môi trường”.

16. Chính phủ và đối tác xã hội cần:

- (a) xem xét ký kết các thỏa thuận để triển khai chính sách kinh tế, xã hội và môi trường, trong đó có thỏa thuận thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững;
- (b) huy động nguồn lực tài chính, sự hỗ trợ và giúp đỡ để thực hiện chuyển đổi công bằng, với sự trợ giúp của các tổ chức quốc tế khi cần thiết, có thể thông qua Chương trình Quốc gia về Việc làm Thỏa đáng;
- (c) chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm hay về chính sách kinh tế vĩ mô và chính sách phát triển ngành bền vững về môi trường;
- (d) thảo luận và phân tích kết quả đánh giá tác động đối với việc làm và kinh tế - xã hội đã nêu trong đoạn 15(h), nhằm cung cấp thông tin hỗ trợ quá trình ra quyết định chính sách hiệu quả và phù hợp với thực tiễn.
- (e) thúc đẩy hợp tác:
 - (i) hợp tác ở cấp quốc tế, qua đó các quốc gia hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực hiện mục tiêu phát triển bền vững thông qua các hoạt động hỗ trợ và nâng cao năng lực;
 - (ii) hợp tác thông qua các sáng kiến, bao gồm nhưng không giới hạn ở khung hợp tác giữa các quốc gia đang phát triển, đặc biệt các sáng kiến liên quan đến nông nghiệp ít các-bon, thích ứng với biến đổi khí hậu, năng lượng tái tạo, phục hồi tài nguyên thiên nhiên và các dự án trồng rừng;
 - (iii) hợp tác ở cấp quốc gia, trong đó các đối tác xã hội phối hợp với cơ quan chính phủ xây dựng, triển khai và giám sát các chính sách phù hợp với thông lệ tốt ở quốc gia;
 - (iv) hợp tác ở cấp ngành, qua đó các đối tác xã hội đóng vai trò chính thông qua các hình thức đối thoại xã hội, bao gồm thương lượng tập thể, để đảm bảo việc làm thỏa đáng và dự báo nhu cầu kỹ năng cũng như thách thức về việc làm, đồng thời thiết kế chương trình đào tạo hiệu quả và liên tục;
 - (v) hợp tác ở cấp địa phương, trong đó các cơ quan quản lý địa phương, người sử dụng lao động, công đoàn và các cơ sở nghiên cứu, đào tạo cùng nhau lồng ghép hiệu quả các biện pháp thúc đẩy chuyển đổi công bằng hướng tới phát triển kinh tế bền vững tại địa phương;
 - (vi) hợp tác ở cấp doanh nghiệp, trong đó các đối tác xã hội có thể phối hợp để hạn chế tác động bất lợi đến môi trường và hỗ trợ phát triển kỹ năng cho người lao động.

Chính sách về đối thoại xã hội và cơ chế ba bên

17. Chính phủ cần:

- (a) chủ động thúc đẩy và tham gia đối thoại xã hội trong suốt quá trình chuyển đổi, từ khâu thiết kế chính sách đến triển khai, đánh giá, và ở tất cả các cấp, từ quốc gia đến doanh nghiệp, phù hợp với các tiêu chuẩn lao động quốc tế hiện hành liên quan đến khung chuyển đổi công bằng, nhằm đạt được sự đồng thuận về cách thức thực hiện hướng tới môi trường bền vững gắn liền với việc làm thỏa đáng;
- (b) thúc đẩy xây dựng, phát triển và chính thức hóa các cơ chế và cơ cấu đối thoại ở tất cả các cấp, nhằm tạo không gian thảo luận về những biện pháp tốt nhất để thực hiện các mục tiêu quốc gia về xã hội, kinh tế và môi trường.

18. Các đối tác xã hội cần:

- (a) nâng cao nhận thức và hiểu biết, đồng thời hướng dẫn cho các thành viên của mình về các tiến trình liên quan đến khung chuyển đổi công bằng, phát triển bền vững, việc làm thỏa đáng và việc làm xanh cho phụ nữ và nam giới;
- (b) tích cực tham gia vào quá trình xây dựng, triển khai và giám sát các chính sách quốc gia về phát triển bền vững, xác định rõ vai trò then chốt của các tổ chức đại diện người sử dụng lao động và người lao động trong thúc đẩy phát triển bền vững về xã hội, kinh tế và môi trường thông qua việc làm thỏa đáng và bao trùm xã hội;
- (c) khuyến khích các thành viên tham gia tích cực vào đối thoại xã hội ở cấp doanh nghiệp, cấp ngành và cấp quốc gia để đánh giá cơ hội và giải quyết thách thức của quá trình chuyển đổi;
- (d) thúc đẩy thương lượng tập thể và ký kết thỏa ước tập thể ở tất cả các cấp, trong đó lồng ghép các điều khoản cụ thể về môi trường khi phù hợp, nhằm tăng cường hợp tác giữa các tổ chức đại diện người sử dụng lao động và người lao động, khuyến khích doanh nghiệp tuân thủ các quy định về môi trường, bao gồm nhưng không giới hạn ở việc giảm thiểu phát thải, thực hiện các mục tiêu của doanh nghiệp về phát triển bền vững và xây dựng các chương trình đào tạo cho người lao động và đội ngũ quản lý.

Chính sách kinh tế vĩ mô và tăng trưởng

19. Chính phủ, trên cơ sở tham vấn với các đối tác xã hội, cần:

- (a) lồng ghép phát triển bền vững và chuyển đổi công bằng vào các chính sách kinh tế vĩ mô và tăng trưởng:**
 - (i) thúc đẩy hợp tác giữa các cơ quan chính phủ, tổ chức quốc tế, tổ chức đại diện người sử dụng lao động và người lao động để lồng ghép khung chuyển đổi công bằng trong các chính sách kinh tế vĩ mô;
 - (ii) triển khai các chính sách kinh tế vĩ mô và chính sách tăng trưởng theo hướng thúc đẩy mô hình sản xuất và tiêu dùng bền vững, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của các doanh nghiệp bền vững và đặt mục tiêu đảm bảo việc làm đầy đủ, năng suất và thỏa đáng cho tất cả mọi người vào trung tâm của các chính sách phát triển kinh tế và xã hội;
 - (iii) xây dựng và điều chỉnh các cơ chế khuyến khích để kích thích đổi mới sáng tạo hướng tới phát triển bền vững trong doanh nghiệp;
- (b) hài hòa tăng trưởng kinh tế với các mục tiêu về xã hội và môi trường:**
 - (i) lồng ghép các chính sách phát triển kinh tế vĩ mô bền vững vào các kế hoạch hành động và kế hoạch phát triển trung và dài hạn của quốc gia;
 - (ii) xem xét xây dựng và áp dụng các kế hoạch hành động với các mục tiêu ổn định khi giải quyết những thách thức về xã hội và môi trường, nhằm thể hiện cam kết lâu dài;
 - (iii) xác định rõ nhu cầu tài chính trong dài hạn và thiết lập cơ chế tài chính bền vững để triển khai khung chuyển đổi công bằng;

(c) triển khai các quy định và công cụ phù hợp:

- (i) tìm hiểu và xác định sự kết hợp hiệu quả giữa các công cụ như thuế, trợ cấp, ưu đãi, giá cả và các khoản vay để khuyến khích chuyển đổi sang các hoạt động kinh tế bền vững;
- (ii) xem xét cải cách chính sách thuế môi trường nhằm tạo nguồn tài chính hỗ trợ các nhóm đối tượng bị ảnh hưởng nhiều trong quá trình chuyển đổi sang các hoạt động kinh tế bền vững;
- (iii) theo dõi và đánh giá hiệu quả triển khai và tác động của các biện pháp nhằm đảm bảo sự thống nhất giữa mục tiêu đề ra và phương pháp, hoặc công cụ thực hiện;
- (iv) tăng cường hiệu quả chính sách, khi cần thiết, thông qua các biện pháp chính sách tài khóa có mục tiêu, các công cụ thị trường, chính sách đầu tư và mua sắm công;
- (v) tạo điều kiện thuận lợi để tuân thủ các quy định thông qua cung cấp thông tin và hướng dẫn phù hợp với từng nhóm đối tượng khác nhau, chẳng hạn như các doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa; đồng thời giám sát việc tuân thủ các quy định và áp dụng hạn ngạch, nếu phù hợp;

(d) phân bổ đầu tư công cho quá trình xanh hóa nền kinh tế:

- (i) sử dụng đầu tư công để phát triển cơ sở hạ tầng có tác động tối thiểu đến môi trường, phục hồi và bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, đồng thời ưu tiên nâng cao khả năng chống chịu nhằm giảm thiểu nguy cơ di dời người dân và doanh nghiệp;
- (ii) phân bổ nguồn thu ngân sách nhà nước vào các chính sách an sinh xã hội, chính sách thị trường lao động chủ động nhằm tạo việc làm và hỗ trợ người lao động thích ứng với các chính sách phát triển bền vững về môi trường;
- (iii) sử dụng mua sắm công làm công cụ khuyến khích chuyển đổi sang hàng hóa và dịch vụ thân thiện với môi trường, đồng thời thúc đẩy bao trùm xã hội bằng cách đảm bảo các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa, và các nhóm yếu thế, có thể tham gia đấu thầu mua sắm công.

(e) phát triển chính sách thương mại và đầu tư:

- (i) sử dụng các chính sách thương mại và đầu tư để thực hiện mục tiêu bền vững về xã hội, kinh tế và môi trường, nâng cao khả năng tiếp cận công nghệ thân thiện với môi trường, chú trọng phát triển các ngành công nghiệp xanh trong nước ngay từ giai đoạn đầu và khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho đổi mới sáng tạo và việc làm xanh.

Chính sách công nghiệp và chính sách ngành

20. Chính phủ, trên cơ sở tham vấn với các đối tác xã hội, cần:

- (a) đặt ra các mục tiêu nhằm cải thiện liên tục tính bền vững về xã hội, kinh tế và môi trường của các ngành, đồng thời xây dựng các chương trình, chính sách phù hợp với điều kiện cụ thể của từng ngành cũng như loại hình, quy mô của các doanh nghiệp hoạt động trong ngành đó;

-
- (b) thúc đẩy đối thoại xã hội hiệu quả ở cấp ngành nhằm xây dựng sự đồng thuận và tạo sự ủng hộ trong xã hội, qua đó góp phần triển khai thành công các chính sách xã hội, kinh tế và môi trường, bao gồm nhưng không giới hạn ở các chính sách ứng phó với biến đổi khí hậu;
 - (c) thông qua tham vấn với các bên liên quan khác, xây dựng các cơ chế khuyến khích, nghĩa vụ bắt buộc, và khi cần thiết, đưa ra các quy định để kích cầu, thu hút đầu tư và phát triển thị trường hàng hóa, dịch vụ trong các ngành và phân ngành phù hợp với quá trình xanh hóa nền kinh tế;
 - (d) sử dụng các công cụ chính sách để tạo lập thị trường và thiết lập cơ chế khuyến khích một cách ổn định, minh bạch và có thể dự đoán; đưa ra tín hiệu rõ ràng cho các nhà đầu tư, giảm thiểu tình trạng mất cân bằng thị trường và giá cả, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và đảm bảo sử dụng hiệu quả nguồn lực công;
 - (e) chú trọng đặc biệt đến các ngành, khu vực, cộng đồng và nhóm lao động có nguy cơ bị ảnh hưởng nặng nề nhất về sinh kế trong quá trình chuyển đổi;
 - (f) triển khai các bước và xây dựng các biện pháp nhằm thúc đẩy quá trình chính thức hóa và tạo việc làm thỏa đáng, đặc biệt, nhưng không giới hạn, trong lĩnh vực quản lý chất thải và tái chế;
 - (g) xây dựng các chính sách hỗ trợ đi kèm thông qua hệ thống an sinh xã hội, bao gồm bảo hiểm thất nghiệp và các khoản trợ cấp, đào tạo, nâng cao kỹ năng, sắp xếp lại nguồn nhân lực và các biện pháp phù hợp khác nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người lao động trong các ngành bị ảnh hưởng tiêu cực bởi quá trình chuyển đổi sang phát triển bền vững;
 - (h) xem xét phê chuẩn hoặc áp dụng các tiêu chuẩn lao động quốc tế có liên quan (như được nêu trong phụ lục của Kết luận Hội nghị Lao động Quốc tế năm 2013), đồng thời lưu ý đến nhu cầu cụ thể của từng ngành.

Chính sách đối với doanh nghiệp

21. Chính phủ, trên cơ sở tham vấn với các đối tác xã hội, nên:

- (a) tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp phát triển bền vững, dựa trên đánh giá và đối thoại xã hội phù hợp với kết luận của Hội nghị Lao động Quốc tế năm 2007 và 17 điều kiện được nêu trong đó, như được tham chiếu trong kết luận của Hội nghị Lao động Quốc tế năm 2013 (Phụ lục). Mục tiêu là giúp doanh nghiệp nâng cao năng suất, tạo việc làm và thúc đẩy việc làm thỏa đáng, đồng thời tuân thủ các quy định về xã hội, kinh tế và môi trường;
- (b) xem xét cải cách tài khóa và thuế cần chú trọng đến các biện pháp hiệu quả nhất nhằm tăng cường mức độ tuân thủ đối với các loại thuế và phí về môi trường;
- (c) nâng cao khả năng thích ứng của doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa, để tránh gián đoạn hoạt động kinh tế và giảm thiểu thiệt hại tài sản, việc làm và thu nhập;
- (d) xây dựng các chính sách và kế hoạch quốc gia về giảm nhẹ và thích ứng với biến đổi khí hậu, ứng phó với thiên tai, thông qua hợp tác chặt chẽ với các hiệp hội doanh nghiệp, tổ chức đại diện người lao động và các bên liên quan khác, nhằm tăng cường khả năng chống chịu trước những tác động của biến đổi khí hậu, phổ biến thông tin và tăng cường bảo hiểm rủi ro.
- (e) chú trọng hỗ trợ các doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa, bao gồm các hợp tác xã và doanh nghiệp tư nhân trong quá trình chuyển đổi;

-
- (f) cung cấp các ưu đãi tài chính (bao gồm trợ cấp, các khoản vay lãi suất thấp và ưu đãi thuế) cho các doanh nghiệp áp dụng các thực hành thân thiện với môi trường, bao gồm nhưng không giới hạn ở các biện pháp tiết kiệm năng lượng, nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng và chuyển đổi sang các nguồn năng lượng sạch, phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững về kinh tế và xã hội;
 - (g) khi phù hợp, thúc đẩy sử dụng các sản phẩm và dịch vụ bền vững của doanh nghiệp thông qua yêu cầu về tỷ lệ nội địa hóa trong mua sắm công phù hợp với quy định của Tổ chức Thương mại Quốc tế (WTO) và các hiệp định quốc tế khác; đồng thời tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa, và các hợp tác xã tham gia vào quá trình đấu thầu mua sắm công;
 - (h) xây dựng các chương trình mục tiêu trong các ngành có tỷ lệ doanh nghiệp và lao động phi chính thức cao nhằm thúc đẩy quá trình chính thức hóa, nâng cao nhận thức về các chính sách xã hội, kinh tế và môi trường; trong bối cảnh này, mô hình hợp tác xã, cùng với nhiều mô hình khác, có thể là một công cụ hiệu quả để thúc đẩy chính thức hóa.

22. Chính phủ và các đối tác xã hội cần:

- (a) cung cấp thông tin kinh doanh có mục tiêu và tư vấn về các thực hành kinh doanh xanh, đổi mới hệ sinh thái và hệ thống quy định cũng như cách thức tuân thủ các quy định đó, đặc biệt chú trọng đến các doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa, sử dụng các định dạng dễ tiếp cận như các bộ công cụ thân thiện với người dùng;
- (b) đối với các doanh nghiệp đang hoạt động, hỗ trợ kỹ thuật, tư vấn và cung cấp dịch vụ để doanh nghiệp thiết lập hệ thống quản lý và tuân thủ quy định về môi trường; đối với các công ty khởi nghiệp trong lĩnh vực công nghệ xanh, triển khai các chiến dịch đào tạo, nâng cao nhận thức để thúc đẩy văn hóa khởi nghiệp sinh thái, đồng thời cung cấp hỗ trợ kỹ thuật, tư vấn và dịch vụ;
- (c) hỗ trợ ban lãnh đạo và người lao động trong quá trình chuyển đổi hoạt động kinh doanh khỏi các mô hình có lượng khí thải các-bon cao, gây ô nhiễm nhiều và tiêu tốn tài nguyên; trong đó có hỗ trợ về cơ chế chuyển giao công nghệ với các điều khoản thuận lợi, dựa trên các thỏa thuận chung, cũng như hỗ trợ đổi mới và chia sẻ các thực hành tốt để thúc đẩy chuyển đổi công bằng hướng tới nền kinh tế bền vững về môi trường.

23. Phù hợp với các chính sách khác về chuyển đổi công bằng, chính phủ và các đối tác xã hội cần:

- (a) cung cấp các cơ hội đào tạo để nâng cao, cập nhật (bao gồm chương trình đào tạo cho người lao động bị ảnh hưởng bởi quá trình chuyển đổi) và đào tạo ban đầu về các thực hành kinh doanh xanh và công nghệ, đổi mới thân thiện với môi trường;
- (b) xem xét cung cấp hỗ trợ tài chính và hỗ trợ kỹ thuật cho các doanh nghiệp thực hiện nghiên cứu và phát triển công nghệ xanh, đồng thời hỗ trợ phát triển và ươm tạo cụm doanh nghiệp;
- (c) xem xét các biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp và người lao động bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế và xã hội bền vững về môi trường cho tất cả mọi người;
- (d) Thúc đẩy hợp tác tại nơi làm việc một cách có hệ thống bằng cách thúc đẩy văn hóa đối thoại, chia sẻ kiến thức và góp ý lẫn nhau nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên và năng lượng, giảm thiểu chất thải, và áp dụng các công nghệ sạch, an toàn và các phương pháp làm việc giúp thúc đẩy việc làm năng suất và thỏa đáng;
- (e) thúc đẩy doanh nghiệp thực hiện các chính sách phát triển bền vững dài hạn về môi trường, bao gồm nhưng không giới hạn ở các chính sách giảm phát thải các-bon, vận động người lao động, đại diện người lao động và cơ quan quản lý nhà nước, khi thích hợp, tham gia vào quá trình thực hiện mục tiêu này, đồng thời tạo ra và bảo vệ việc làm.

Chính sách phát triển kỹ năng

24. Chính phủ, trên cơ sở tham vấn với các đối tác xã hội, cần:

- (a) hỗ trợ quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế bền vững hơn về môi trường bằng cách rà soát các chính sách phát triển kỹ năng để đảm bảo các chính sách này hỗ trợ đào tạo linh hoạt, nâng cao năng lực và cập nhật chương trình giảng dạy;
- (b) phối hợp các chính sách phát triển kỹ năng và hệ thống giáo dục nghề nghiệp với các chính sách môi trường và quá trình xanh hóa nền kinh tế; đồng thời xem xét ký kết các thỏa thuận song phương hoặc ba bên về phát triển kỹ năng;
- (c) kết nối cung-cầu về kỹ năng thông qua đánh giá nhu cầu kỹ năng, thông tin thị trường lao động và phát triển các kỹ năng cốt lõi, trên cơ sở hợp tác với ngành và các cơ sở đào tạo;
- (d) Ưu tiên cao trong chính sách và phân bổ nguồn lực hợp lý cho công tác xác định và dự báo về thay đổi nhu cầu kỹ năng, đồng thời, rà soát và cập nhật hồ sơ kỹ năng nghề nghiệp phù hợp với các chương trình đào tạo;
- (e) khuyến khích học cả các kỹ năng chung và kỹ năng về khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán học (STEM), đồng thời đưa các kỹ năng này vào chương trình đào tạo cơ bản và học tập suốt đời.

25. Chính phủ và các đối tác xã hội cần:

- (a) tham gia đối thoại xã hội để xây dựng thể chế thị trường lao động và hệ thống đào tạo mang tính hợp tác và phản ứng linh hoạt, đồng thời xem xét nhu cầu của các bên liên quan ở tất cả các giai đoạn xây dựng và triển khai chính sách về giáo dục, đào tạo cũng như phát triển kỹ năng;
- (b) thúc đẩy tiếp cận bình đẳng về cơ hội đào tạo và công nhận kỹ năng cho tất cả mọi người, đặc biệt là cho thanh niên, phụ nữ, người lao động thuộc diện sắp xếp lại công việc, bao gồm người lao động ra nước ngoài làm việc, người sử dụng lao động, người lao động tại các doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa thông qua các dịch vụ đào tạo cụ thể với khung thời gian và thời lượng phù hợp, đồng thời thúc đẩy các chính sách hỗ trợ người lao động cân bằng giữa công việc, gia đình và mục tiêu học tập suốt đời;
- (c) thúc đẩy đào tạo gắn liền với công việc và coi trải nghiệm thực tế là một phần của quá trình đào tạo nhằm nâng cao cơ hội được tuyển dụng cho người tìm việc;
- (d) xây dựng chính sách phát triển kỹ năng toàn diện để thúc đẩy kỹ năng cho việc làm xanh, đảm bảo sự nhất quán với các chính sách môi trường, bao gồm các hình thức công nhận phù hợp thông qua chứng nhận kỹ năng;
- (e) thúc đẩy học hỏi lẫn nhau giữa doanh nghiệp và người lao động, cũng như giáo dục và đào tạo về khởi nghiệp xanh nhằm lan tỏa các thực hành bền vững và sử dụng công nghệ xanh;
- (f) hỗ trợ các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa, kể cả các hợp tác xã, trong việc hợp tác với các cơ quan quản lý nhà nước và cơ sở đào tạo trong công tác quản lý, nâng cao kỹ năng cho nguồn nhân lực hiện tại, dự báo hồ sơ nghề nghiệp và nhu cầu kỹ năng trong tương lai, đồng thời giúp người lao động tiếp thu được các kỹ năng có thể áp dụng khi thay đổi công việc và phù hợp nhu cầu của thị trường lao động.

Chính sách an toàn và sức khỏe nghề nghiệp

26. Chính phủ, trên cơ sở tham vấn với các đối tác xã hội, cần:

- (a) đánh giá những rủi ro mới liên quan tới an toàn và sức khỏe nghề nghiệp (AT&SKNN) hoặc rủi ro gia tăng do biến đổi khí hậu, khan hiếm tài nguyên hoặc các rủi ro khác liên quan đến sức khỏe con người và môi trường, đồng thời xác định các biện pháp phòng ngừa và bảo vệ hiệu quả nhằm đảm bảo AT&SKNN;
- (b) khi cần thiết, thực hiện cải thiện, điều chỉnh hoặc xây dựng và nâng cao nhận thức về các tiêu chuẩn AT&SKNN đối với công nghệ, quy trình làm việc và vật liệu mới liên quan đến quá trình chuyển đổi;
- (c) áp dụng và thực hiện các tiêu chuẩn AT&SKNN phù hợp và đảm bảo năng lực giám sát tuân thủ của các cơ quan thanh tra lao động, theo Phụ lục 1 kết luận của Hội nghị Lao động Quốc tế năm 2013;
- (d) thúc đẩy sự nhất quán hơn trong chính sách AT&SKNN và tăng cường hợp tác giữa các cơ quan sức khỏe nghề nghiệp và môi trường hoặc các cơ quan khác có thẩm quyền trong quản lý và thực thi;
- (e) xây dựng, triển khai và định kỳ rà soát các chính sách quốc gia về bảo vệ người lao động, cộng đồng và môi trường trước nguy cơ tai nạn lao động nghiêm trọng, nhấn mạnh sự cần thiết phải có cách tiếp cận đồng bộ;
- (f) thúc đẩy triển khai các quy trình phòng ngừa, bảo vệ và đảm bảo an toàn phù hợp, đồng thời nâng cao năng lực thực thi pháp luật của cơ quan quản lý nhà nước cấp trung ương và địa phương trong các tình huống có nguy cơ xảy ra tai nạn hoặc rủi ro nghiêm trọng;
- (g) khuyến khích các doanh nghiệp và cung cấp hỗ trợ kỹ thuật để tiến hành nghiên cứu nhằm hiểu rõ hơn về rủi ro AT&SKNN trong suốt vòng đời của sản phẩm, công nghệ mới và việc làm, và sử dụng kiến thức này để nâng cao công tác phòng ngừa và đảm bảo an toàn tại nơi làm việc;
- (h) thiết lập, thúc đẩy hoặc tạo điều kiện thành lập các ban AT&SKNN chung giữa người lao động và người sử dụng lao động hoặc các cấu trúc tương tự tại nơi làm việc, khi thích hợp, và xem xét lồng ghép các vấn đề liên quan đến môi trường vào chương trình hoạt động của ban nếu có thể;
- (i) ban hành các quy định và khuyến khích các doanh nghiệp giảm thiểu, hạn chế và, nếu có thể, loại bỏ các vật liệu nguy hại trong toàn bộ chuỗi cung ứng sản phẩm và quy trình sản xuất;
- (j) đánh giá và xây dựng khung pháp lý phù hợp nhằm đảm bảo các doanh nghiệp thực hiện các biện pháp thích hợp để giảm thiểu những tác động bất lợi đối với sức khỏe và an toàn của người lao động, cũng như bất lợi đối với môi trường nói chung, khi thích hợp, trong suốt vòng đời của sản phẩm và quy trình sản xuất.

27. Chính phủ và các đối tác xã hội cần:

- (a) đưa các nội dung về AT&SKNN vào các chương trình chứng nhận bền vững khi có điều kiện thích hợp;

-
- (b) thúc đẩy đào tạo đầy đủ cho người lao động về AT&SKNN trong các công việc xanh (bao gồm các chương trình đào tạo nghề và đào tạo thường xuyên về AT&SKNN), đào tạo cho người sử dụng lao động, thành viên ủy ban chung về AT&SKNN và thanh tra lao động;
 - (c) giải quyết những tác động về AT&SKNN trong khu vực phi chính thức, thúc đẩy quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế chính thức thông qua các hoạt động liên quan đến xanh hóa nền kinh tế, chẳng hạn như thu hồi và tái chế vật liệu, các hoạt động đào tạo, nâng cao năng lực, cấp chứng nhận và ban hành quy định pháp luật, nếu cần.

Chính sách an sinh xã hội

28. Chính phủ, trên cơ sở tham vấn với các đối tác xã hội, cần:

- (a) thúc đẩy và thiết lập các hệ thống an sinh xã hội đầy đủ, bao gồm chăm sóc sức khỏe, an ninh thu nhập và dịch vụ xã hội, phù hợp với các tiêu chuẩn lao động quốc tế (Phụ lục 1), hướng tới mục tiêu nâng cao khả năng thích ứng và bảo vệ người dân trước những tác động của tình trạng dễ bị tổn thương và các cú sốc về kinh tế và môi trường, đồng thời góp phần đạt được các mục tiêu về việc làm năng suất, việc làm thỏa đáng, bao trùm xã hội và xóa đói giảm nghèo trong quá trình chuyển đổi;
- (b) lồng ghép an sinh xã hội vào các biện pháp chính sách và giải pháp ứng phó với các tác động về môi trường và các thách thức trong quá trình chuyển đổi đối với những nhóm có nguy cơ phải chịu ảnh hưởng tiêu cực, đặc biệt là những lao động phụ thuộc nhiều vào tài nguyên thiên nhiên hoặc phải đối mặt với những thay đổi lớn về cấu trúc. Trong bối cảnh này, cần xem xét áp dụng các biện pháp bảo đảm an sinh cho người cao tuổi, phù hợp với khung pháp lý quốc gia cùng với các biện pháp khác;
- (c) thúc đẩy các cơ chế an sinh xã hội đổi mới nhằm góp phần bù đắp tác động của biến đổi khí hậu và những thách thức trong quá trình chuyển đổi đối với sinh kế, thu nhập và việc làm, đồng thời đảm bảo các quyền an sinh xã hội theo các tiêu chuẩn được liệt kê trong Phụ lục 1;
- (d) khi phù hợp, áp dụng các chương trình đảm bảo việc làm và các công trình công cộng nhằm tăng cường khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu, phục hồi tài nguyên thiên nhiên và tạo ra các tài sản mới sinh lợi và bền vững;
- (e) lồng ghép các biện pháp an sinh xã hội đầy đủ, khi thích hợp, vào các chương trình, kế hoạch quốc gia về ứng phó với biến đổi khí hậu, như một nội dung thiết yếu của các chính sách thích ứng và giảm nhẹ tác động của biến đổi khí hậu;
- (f) thúc đẩy các cuộc thảo luận song phương về khả năng chuyển đổi quyền lợi an sinh xã hội trong các tình huống ra nước ngoài làm việc, bao gồm cả những trường hợp do quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế bền vững về môi trường và do tác động của biến đổi khí hậu;
- (g) xem xét vai trò và việc sử dụng bảo hiểm nhà nước theo quy định pháp luật đối với những người bị ảnh hưởng bởi thiên tai và các thảm họa môi trường khác, đặc biệt là nông dân và các doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa;
- (h) thúc đẩy các cơ chế ba bên nhằm xác định và hiểu rõ các thách thức do biến đổi khí hậu gây ra, đồng thời xây dựng các biện pháp an sinh xã hội phù hợp, có thể dự đoán và đổi mới, nhằm bảo vệ, khi cần thiết, các quyền lợi hiện có và tính đến các nhu cầu xã hội mới phát sinh;
- (i) khi thiết kế và rà soát các chính sách an sinh xã hội trong bối cảnh áp dụng các biện pháp năng lượng sạch, cần xem xét hỗ trợ các hộ gia đình có thu nhập thấp – những đối tượng phải dành phần lớn thu nhập của mình để chi trả chi phí năng lượng, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ nhiều năng lượng.

Chính sách thị trường lao động chủ động

29. Chính phủ, trên cơ sở tham vấn với các đối tác xã hội, cần:

- (a) khuyến khích các chính sách thị trường lao động chủ động nhằm hỗ trợ doanh nghiệp và người lao động dự báo nhu cầu lao động thay đổi trong bối cảnh chuyển đổi sang nền kinh tế bền vững về môi trường, thông qua tạo điều kiện tiếp cận việc làm, tăng cơ hội tuyển dụng và đào tạo;
- (b) đặc biệt chú trọng đến những người thất nghiệp và có nguy cơ mất việc làm trong cộng đồng và các ngành bị ảnh hưởng bởi biến đổi khí hậu, suy thoái tài nguyên hoặc thay đổi cơ cấu, bao gồm cả người lao động trong nền kinh tế phi chính thức;
- (c) thúc đẩy cung cấp dịch vụ việc làm hiệu quả và phù hợp, đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp và người lao động trong quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế bền vững về môi trường, đồng thời mở rộng tiếp cận tới những người làm việc trong nền kinh tế phi chính thức;
- (d) hình thành và hỗ trợ, thông qua các đơn vị cung cấp dịch vụ việc làm công và tư, các khóa đào tạo được thiết kế riêng, phù hợp với các ngành nghề cụ thể và cơ hội khởi nghiệp trong nền kinh tế xanh;
- (e) điều chỉnh và cải thiện chất lượng dịch vụ việc làm công để tăng cường vai trò của các đơn vị này là những tác nhân hỗ trợ chuyển đổi. Các đơn vị này cần cung cấp thông tin, tư vấn, kết nối việc làm và đào tạo. Những dịch vụ này có thể được cải thiện thông qua tăng cường tiếp cận người tìm việc theo cách sáng tạo;
- (f) xem xét hỗ trợ các chương trình việc làm công và các công trình công cộng, bao gồm các sáng kiến kết nối giữa xóa đói giảm nghèo và bảo vệ hệ sinh thái, cũng như các chương trình dành cho người lao động bị ảnh hưởng bởi quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế bền vững về môi trường, bao gồm cả biến đổi khí hậu - những người bị mất việc do thay đổi cơ cấu hoặc công nghệ;
- (g) xem xét triển khai các chính sách việc làm chủ động, bao gồm nhưng không giới hạn ở các chính sách trợ cấp có mục tiêu, cho phép người lao động tiếp cận các chương trình đào tạo và phát triển kỹ năng, từ đó giúp nâng cao cơ hội được tuyển dụng thông qua kinh nghiệm làm việc và đào tạo tại nơi làm việc.

Phụ lục 1¹. Một số tiêu chuẩn lao động quốc tế và nghị quyết liên quan đến khung chuyển đổi công bằng

A. Những Công ước về các nguyên tắc và quyền cơ bản trong lao động

- Công ước về Tự do Hiệp hội và Bảo vệ Quyền được Tổ chức, 1948 (số 87)
- Công ước về Quyền Tổ chức và Thương lượng Tập thể, 1949 (Số 98)
- Công ước về Lao động Cường bức, 1930 (Số 29)
- Công ước về Xóa bỏ Lao động Cường bức, 1957 (Số 105)
- Công ước về Trả công Bình đẳng giữa lao động nam và lao động nữ cho công việc có giá trị ngang nhau, 1951 (số 100)
- Công ước về Phân biệt Đối xử trong Việc làm và Nghề nghiệp, 1958 (Số 111)
- Công ước về Độ tuổi Lao động Tối thiểu, 1973 (số 138)
- Công ước về Nghiêm cấm và Hành động Khẩn cấp Xóa bỏ các Hình thức Lao động Trẻ em Tội tệ nhất, 1999 (số 182)

B. Các Công ước về quản trị:

- Công ước về Chính sách Việc làm, 1964 (số 122)
- Công ước về Thanh tra Lao động, 1947 (số 81)
- Công ước về Tham khảo Ý kiến Ba bên (Tiêu chuẩn Lao động Quốc tế), 1976 (số 144)
- Công ước về Thanh tra Lao động (Nông nghiệp), 1969 (số 129)

C. Các Công ước kỹ thuật khác

- Công ước về An sinh Xã hội (các tiêu chuẩn tối thiểu), 1952 (số 102)
- Công ước về Chính sách An sinh Xã hội (mục tiêu và tiêu chuẩn tối thiểu), 1962 (số 117)
- Công ước về Nghỉ việc để Học tập có Trả lương, 1974 (Số 140)
- Công ước về Phát triển Nguồn nhân lực 1975 (số 142)
- Công ước về Môi trường Làm việc (ô nhiễm không khí, tiếng ồn và rung), 1977 (Số 148)
- Công ước về Quản lý Lao động, 1978 (số 150)
- Công ước về Quan hệ Lao động (khu vực dịch vụ công), 1978 (số 151)

¹ Phụ lục này là bản sao của Phụ lục Kết luận Hội nghị lao động quốc tế năm 2013.

-
- Công ước về Thúc đẩy Thương lượng Tập thể, 1981 (số 154)
 - Công ước về An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp, 1981 (số 155)
 - Công ước về Dịch vụ Y tế Lao động, 1985 (số 161)
 - Công ước về An toàn trong Sử dụng Hoá chất khi làm việc, 1990 (Số 170)
 - Công ước về Phòng ngừa Tai nạn Lao động Nghiêm trọng, 1993 (Số 174)
 - Công ước về Khung Chính sách Thúc đẩy An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp, 2006 (số 187)

D. Các Khuyến nghị

- Khuyến nghị về Phát triển Nguồn nhân lực, 2004 (số 195)
- Khuyến nghị về các Điều kiện chung để Khuyến khích tạo Việc làm trong các Doanh nghiệp Vừa và Nhỏ, 1998 (Số 189)
- Khuyến nghị về Thúc đẩy Hợp tác xã, 2002 (số 193)
- Khuyến nghị về Sản An sinh Xã hội, 2012 (số 202)

E. Các Nghị quyết

- Nghị quyết về thúc đẩy doanh nghiệp bền vững – Hội nghị Lao động Quốc tế, tháng 6/2007
- Nghị quyết về thúc đẩy việc làm ở nông thôn để xóa nghèo – Hội nghị Lao động Quốc tế, tháng 6/2008

**Phụ lục 2. Danh sách đại biểu tham gia
Cuộc họp chuyên gia ba bên về phát triển bền vững,
việc làm thỏa đáng và việc làm xanh**

Geneva
5-9/10/2015

CHỦ TRÌ

Bà Esther BYER SUCKOO, Bộ trưởng Bộ Lao động, An sinh xã hội và Phát triển nguồn nhân lực

CÁC CHUYÊN GIA DO CHÍNH PHỦ ỦY QUYỀN

BRA-XIN

Bà Márcia MUCHAGATA, Cố vấn Văn phòng Bộ trưởng

CHLB ĐỨC

Ông Thomas DE GRAAT, Cố vấn, Bộ Lao động và Xã hội Liên bang

IN-ĐÔ-NÊ-XIA

Bà Rahma IRYANTI, Thứ trưởng Bộ Xóa đói Giảm nghèo, Lao động và Doanh nghiệp vừa và nhỏ, Cơ quan Quy hoạch phát triển quốc gia Bộ Quy hoạch và Phát triển

KENYA

Ông Joseph Yidah AJANGA, Phó Ủy viên Lao động, Bộ Lao động, An sinh xã hội và Dịch vụ

MAURITIUS

Ông Jaynarain MATHOORA, Cố vấn cấp cao, Bộ Lao động, Quan hệ lao động, Việc làm và Đào tạo

NAM PHI

Ông Ian MACUN, Giám đốc, Phòng Thương lượng tập thể, Bộ Lao động

THỎ NHĨ KỲ

Ông Göksel KUŞLU, Chuyên gia, Bộ Lao động và An sinh xã hội, Tổng cục Quan hệ đối ngoại và Dịch vụ cho người lao động ở nước ngoài

HOA KỲ

Bà Kristin SPARDING, Cán bộ Hợp tác quốc tế, Văn phòng Hợp tác quốc tế, Bộ Lao động Hoa Kỳ

CÁC CHUYÊN GIA DO TỔ CHỨC ĐẠI DIỆN NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG ỦY QUYỀN

COLOMBIA

Bà Nancy Raquel IBARRA PALACIOS, Giám đốc Sản xuất và tiêu dùng bền vững, Hiệp hội Doanh nhân Quốc gia Colombia (ANDI)

ẤN ĐỘ

Ông Rajinder Singh MAKER, Tổng Giám đốc, Liên đoàn Người sử dụng lao động Ấn Độ (EFI)

PAKISTAN

Ông Fasihul Karim SIDDIQI, Tổng thư ký Liên đoàn Người sử dụng lao động Pakistan (EFP) & Thư ký Mạng lưới Hiệp ước toàn cầu Liên Hợp Quốc tại Pakistan

NAM PHI

Bà Vanessa Lerato PHALA, Giám đốc điều hành, Phòng Chính sách xã hội và chuyển đổi, Hiệp hội Doanh nghiệp Nam Phi (BUSA)

SRI LANKA

Bà Thamali Daswinie SENANAYAKE, Trưởng phòng Nhân sự, Cán bộ đầu mối về Việc làm xanh, Liên đoàn Người sử dụng lao động Ceylon (EFC)

TRINIDAD VÀ TOBAGO

Bà Suzetta ALI, Chủ tịch, Hiệp hội Tư vấn hỗ trợ người sử dụng lao động ở Trinidad và Tobago (ECATT)

UGANDA

Ông Shaffi Masai MANAFA, Trưởng Phòng hoạt động doanh nghiệp, Liên đoàn Người sử dụng lao động Uganda

ZAMBIA

Ông Chimuka NYANGA, Tổng thư ký Hiệp hội nhà thầu xây dựng và công trình dân dụng, Liên đoàn người sử dụng lao động Zambia (ZFE)

CÁC CHUYÊN GIA DO TỔ CHỨC ĐẠI DIỆN NGƯỜI LAO ĐỘNG ỦY QUYỀN

ARGENTINA

Bà Marta PUJADAS, Giám đốc khu vực pháp lý của Liên đoàn lao động ngành xây dựng của Argentina (UOCRA) - Tổng Liên đoàn Lao động Argentina (CGTRA)

BỈ

Ông Bert DE WEL, Cố vấn chính sách năng lượng và khí hậu, CSC/ACV

BRA-XIN

Ông Kjeld Aagaard JAKOBSEN, Chuyên gia tư vấn, Trung tâm những người lao động toàn quốc (CUT)

IN-ĐÔ-NÊ-XIA

Bà Rulita WIJAYANINGDYAH, Tổng thư ký, Liên đoàn người lao động ngành lâm nghiệp và các ngành liên quan In-đô-nê-xia (KAHUTINDO)

PHI-LIP-PIN

Ông Josua Fred MATA, Tổng thư ký, Trung tâm lao động thống nhất và tiến bộ (SENTRO)

NAM PHI

Ông Woodrajh AROUN, nhân viên cơ quan Nghị viện, Công đoàn quốc gia lao động ngành kim loại Nam Phi (NUMSA)

TÂY BAN NHA

Ông Bruno ESTRADA LOPEZ, Chuyên gia kinh tế, Trợ lý Tổng thư ký, Công đoàn Tây Ban Nha (CCOO)

HOA KỲ

Ông Brad MARKELL, Giám đốc điều hành, Hội đồng Công đoàn ngành thuộc Trung ương Công đoàn Mỹ (AFL-CIO)